

Số: 240 /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT- BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;

Để đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đối với hệ thống hạ tầng viễn thông và lưới điện, góp phần chỉnh trang tạo mỹ quan đô thị, Ủy ban Nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, với những nội dung sau:

A. MỤC TIÊU - YÊU CẦU

I. Mục tiêu:

- Thực hiện hoàn thành công tác cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông, quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện đồng bộ việc sử dụng chung cột treo cáp viễn thông, kết hợp cùng với các dự án, kế hoạch nâng cấp, cải tạo công trình hạ tầng khu vực đô thị, nhằm đảm bảo mang lại sự an toàn cho người dân, an toàn hệ thống hạ tầng mạng cáp viễn thông, lưới điện, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ cho người dân, đồng thời cải thiện mỹ quan đô thị.

- Phát triển hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông hiện đại, bền vững, trên cơ sở tăng cường sử dụng chung hạ tầng, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông nâng cấp chất lượng cung cấp dịch vụ, theo xu hướng ngày càng mở rộng

cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích có chất lượng tốt, với giá cả hợp lý, đóng góp tích cực cho việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

II. Yêu cầu:

1. Cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình: cây xanh, chiếu sáng, truyền thanh, camera,... trên địa bàn trung tâm đô thị của các Huyện, Thị xã, Thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); ưu tiên thực hiện tại khu vực trung tâm thành phố, khu hành chính, thương mại và trên các tuyến đường trọng điểm, tuyến đường chính.

2. Đảm bảo xây dựng cơ sở hạ tầng mạng cáp viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ với các hạ tầng liên quan, phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và quy hoạch các ngành liên quan của Tỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; an toàn thông tin và mỹ quan đô thị.

3. Đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp là đơn vị chủ trì đề xuất, thống nhất phương án thực hiện; các đơn vị sở hữu cáp phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình cải tạo, chỉnh trang, làm gọn và phát triển mới.

4. Thực hiện đúng thời gian và địa điểm theo kế hoạch chi tiết, do các Đơn vị phối hợp bàn bạc và thống nhất.

5. Tại các khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, tuyến đường mới: phải thiết kế, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công, bề ngầm dùng chung để bố trí đường dây, đường ống kỹ thuật của doanh nghiệp dịch vụ viễn thông.

6. Đối với các tuyến đường mới xây dựng, các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông, đơn vị được giao quản lý nhà nước về công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, phải cập nhật và thực hiện trách nhiệm kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung.

B. NỘI DUNG THỰC HIỆN

I. Nguyên tắc thực hiện:

1. Nguyên tắc thi công:

- Ưu tiên thực hiện các tuyến đường tại khu vực trung tâm thương mại, khu hành chính, các tuyến đường chính.

- Phối hợp thực hiện thi công đồng bộ cáp viễn thông, cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera,...

- Phải tổ chức bàn bạc giữa các doanh nghiệp có liên quan với cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông của Tỉnh và chính quyền địa phương cấp huyện, để

thống nhất phương án thực hiện và giám sát thi công, đảm bảo tiến độ và chất lượng chuyên môn kỹ thuật theo quy định.

2. Các đơn vị là chủ đầu tư:

Công ty Điện lực Đồng Tháp, các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan.

3. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn từ Công ty Điện lực Đồng Tháp, các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan.

II. Nội dung cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp:

Cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera,... cụ thể như sau:

1. Lắp đặt đai bó cáp (khuyên đỡ bó cáp) viễn thông trên dây cường lực, treo trên cột điện cho tuyến cáp cột và cáp vượt đường tập trung, đối với những tuyến đường chưa có hoặc có nhưng đã bị hỏng; đối với những tuyến đường đã có hệ thống đi ngầm cáp điện lực, nhưng cáp viễn thông chưa được ngầm hóa, chủ sở hữu các mạng cáp viễn thông phối hợp cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông tổ chức bàn bạc, thống nhất phương án bố trí cột treo cáp viễn thông theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

2. Đưa cáp viễn thông của các đơn vị sở hữu cáp đang sử dụng bên ngoài vào đai bó cáp đã được làm gọn; xử lý, chuyển cáp vượt đường về các vị trí vượt qua đường đối với các tuyến đường có cột treo cáp hai bên; tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không còn sử dụng và các bó cáp dự phòng không đúng quy định; gắn thẻ thông tin cáp, biển báo độ cao; cáp viễn thông kim loại treo trên cột có trạm biến áp, phải được tăng cường bảo vệ bằng ống PVC, cáp không được giao chéo, nằm ngang với dây trung thế (dây dẫn sơ cấp), đối với những vị trí có trạm biến áp, bó cáp viễn thông phải đi phía dưới đà đỡ máy biến áp.

3. Tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp viễn thông không còn sử dụng, không có giấy phép xây dựng, vi phạm hành lang an toàn giao thông, cột đã chuyển sang dùng chung với cột điện lực; cân chỉnh tuyến cột; làm sạch đầu cột; lắp thêm cột tại những vị trí chưa đảm bảo yêu cầu để treo cáp; duy tu, bảo dưỡng và thay thế cột treo cáp không đảm bảo an toàn kỹ thuật để treo cáp.

4. Thay thế cáp có hộp nối giữa 02 khoảng cột không đúng quy định; quy hoạch tái bố trí mạng cáp, thay thế nhiều sợi cáp đi chung một hướng bằng cáp có dung lượng lớn hơn; bố trí lắp đặt tủ cáp, hộp cáp, măng xông và bộ chia tín hiệu tại các vị trí thống nhất, thuận tiện (trường hợp tuyến cáp dùng chung cột điện lực thì bố trí tủ cáp tại cột gần nhất).

5. Tháo dỡ, thu hồi cột treo cáp điện không còn sử dụng, không có giấy phép xây dựng (cột của tổ chức, cá nhân khác), vi phạm hành lang an toàn giao thông; cân chỉnh tuyến cột; làm sạch đầu cột treo cáp điện; duy tu, bảo dưỡng và thay thế cột không đảm bảo an toàn kỹ thuật.

6. Cắt tỉa cây xanh vướng cáp viễn thông, lưới điện lực, vi phạm hành lang an toàn giao thông, có nguy cơ ngã đổ.

7. Phối hợp tháo dỡ, lắp đặt lại cột đèn chiếu sáng vướng cáp viễn thông (đèn chiếu sáng lắp trên cột treo cáp, cột điện lực); cân chỉnh tuyến cột đèn chiếu sáng bị nghiêng; duy tu, bảo dưỡng và thay thế cột đèn chiếu sáng không đảm bảo an toàn kỹ thuật.

8. Di dời thiết bị camera lắp trên các cột điện lực, cột viễn thông phải tháo dỡ, thu hồi cột, cân chỉnh cột sang vị trí phù hợp.

9. Di dời thiết bị truyền thanh lắp trên các cột điện lực, cột viễn thông phải tháo dỡ, thu hồi cột, cân chỉnh cột sang vị trí phù hợp.

10. Tháo dỡ, thu hồi các công trình xây dựng khác vi phạm pháp luật hiện hành như: quảng cáo, tuyên truyền...

III. Khối lượng, thời gian thực hiện:

1. Khối lượng: Phối hợp cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông, đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera... tại 129 tuyến đường, với tổng khối lượng thi công là 168 km (*Phụ lục I đính kèm*).

2. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1: Năm 2020-2021, tại 03 địa phương gồm: thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thị xã Hồng Ngự với 16 tuyến, tổng khối lượng thi công là 31,50 km.

- Giai đoạn 2: Năm 2022-2024, tại 12 huyện, thị, thành phố với 113 tuyến, tổng khối lượng thi công là 136,50 km.

IV. Kinh phí thực hiện

Dự kiến khoảng 42.000 triệu đồng, trong đó, giai đoạn 1: 7.875 triệu đồng; giai đoạn 2: 34.125 triệu đồng (*Phụ lục II đính kèm*).

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do các doanh nghiệp viễn thông, Công ty Điện lực Đồng Tháp bố trí thực hiện; riêng phần chỉnh trang đô thị liên quan đến các phần việc thuộc nhiệm vụ thường xuyên của chính quyền cấp huyện sẽ do Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí ngân sách thực hiện đồng bộ với Kế hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông thuộc địa bàn quản lý.

V. Phương án thực hiện:

1. Phương án triển khai:

Các doanh nghiệp viễn thông, công ty Điện lực Đồng Tháp tự phối hợp với nhau và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện.

2. Phương án kỹ thuật:

Thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, UBND cấp huyện và cơ quan thẩm quyền có liên quan.

3. Biện pháp thi công:

Thi công đồng bộ, theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người dân.

VI. Quy trình, kỹ thuật thi công, công tác quản lý sau cải tạo, chỉnh trang, làm gọn:

Quy trình, kỹ thuật thi công, công tác quản lý sau thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera,... thực hiện theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, UBND các địa phương và cơ quan thẩm quyền liên quan.

VII. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi các địa phương, doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện cải tạo, chỉnh trang,

làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera,... theo kế hoạch.

- Hướng dẫn Quy trình thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông trên địa bàn Tỉnh để các địa phương, doanh nghiệp viễn thông và đơn vị liên quan thực hiện.

- Phối hợp với Sở Công Thương, các đơn vị liên quan có ý kiến về phương án triển khai của Doanh nghiệp và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera... trên các tuyến đường theo Kế hoạch cụ thể của cấp huyện.

- Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông theo thẩm quyền.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất xử lý những nội dung phát sinh liên quan đến Kế hoạch.

2. Sở Công Thương:

- Đơn đốc Công ty Điện lực Đồng Tháp phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông treo trên cột điện lực.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông có ý kiến về phương án triển khai của UBND cấp huyện về Kế hoạch chi tiết thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera... trên các tuyến đường đô thị thuộc địa bàn cấp huyện.

3. Sở Giao thông Vận tải:

- Cung cấp thông tin về xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp các tuyến giao thông thuộc thẩm quyền quản lý để các doanh nghiệp viễn thông và Công ty Điện lực Đồng Tháp chủ động điều chỉnh hướng tuyến, bố trí nguồn lực, đầu tư hiệu quả hệ thống hạ tầng cáp viễn thông.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân khi thi công công trình trong phạm vi quỹ đất xây dựng công trình giao thông, đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông.

4. Sở Xây dựng: Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng đối với các dự án xây dựng hạ tầng cáp viễn thông, đảm bảo quy hoạch chuyên ngành và các quy định khác của ngành xây dựng.

5. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp nội dung liên quan trong thỏa thuận giá thuê cột treo cáp viễn thông theo Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, các Doanh nghiệp viễn thông có liên quan và Công ty Điện lực Đồng Tháp tổ chức lập và triển khai Kế hoạch chi tiết cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với chỉnh trang hạ tầng, mỹ quan đô thị trên địa bàn quản lý; căn cứ theo Phụ lục I của Kế hoạch này, trước tháng 11 hàng năm, gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi Kế hoạch chi tiết thực hiện của năm tiếp theo.

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về quy trình thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn đối với các công trình công cộng tại địa phương.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong cấp phép xây dựng, thi công đào đường, vỉa hè cho các đơn vị chủ đầu tư sau khi các đơn vị đảm bảo thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định, để triển khai thi công công trình.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chủ trương của Tỉnh trước và trong khi thực hiện kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông để nhân dân biết, đồng thuận phối hợp thực hiện.

- Không cấp phép xây dựng cột treo cáp mới đối với các tuyến đường đã có cột treo cáp bảo đảm quy định về yêu cầu đối với cột treo cáp.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm các quy định về sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

- Bố trí kinh phí thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn đối với các công trình do địa phương quản lý, vận hành như cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera...

7. Các đơn vị chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành sử dụng hạ tầng cột treo cáp viễn thông:

- Đảm bảo công tác chuẩn bị hồ sơ, thi công đào lắp đường, vỉa hè theo đúng quy chuẩn và quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo việc bố trí cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu được sử dụng chung hạ tầng treo cáp viễn thông.

- Phối hợp với đơn vị quản lý, sở hữu hệ thống cột, cáp treo tiến hành thu hồi cột, cáp viễn thông theo quy định.

- Đối với dữ liệu công trình cáp viễn thông phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, tuân thủ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Có trách nhiệm cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình; đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị sử dụng hạ tầng viễn thông.

- Chịu trách nhiệm và thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Công ty Điện lực Đồng Tháp:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuê cột treo cáp viễn thông tổ chức phương án thi công công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhằm đảm bảo tiến độ thi công và chuyên môn kỹ thuật khi triển khai cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông đồng bộ với các công trình cây xanh, đèn chiếu sáng, truyền thanh, camera,...

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông thỏa thuận đóng góp kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Doanh nghiệp viễn thông tổ chức quản lý chặt chẽ hệ thống cáp thông tin treo trên cột điện lực; định kỳ hàng tháng kiểm tra các tuyến cáp để cập nhật tình hình hiện trạng, khắc phục nguy cơ mất an toàn, số lượng cáp thông tin phát sinh mới; số lượng cáp thông tin phát sinh mà không xác định được chủ sở hữu; đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý cáp viễn thông và hạ tầng liên quan.

- Phối hợp, hỗ trợ chủ sở hữu cáp và các đơn vị thi công khi chỉnh trang cáp viễn thông treo trên cột điện lực khi có yêu cầu của chủ đầu tư công trình để đảm bảo an toàn điện trong thi công.

- Chủ trì, phối hợp với chủ sở hữu cáp có sử dụng chung cột treo cáp, xây dựng kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông hàng năm theo Kế hoạch của Tỉnh.

9. Các đơn vị, doanh nghiệp viễn thông sở hữu cột, cáp viễn thông:

- Thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn cáp viễn thông theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan.

- Các đơn vị trì hoãn việc triển khai cải tạo, chỉnh trang, làm gọn cáp viễn thông phải tự chịu trách nhiệm khi đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp đã có thông báo trước về kế hoạch cắt cáp, thu hồi cột treo cáp...

- Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu cột treo cáp hoặc với đơn vị quản lý vận hành theo hợp đồng sử dụng đã ký kết; có trách nhiệm phối hợp kịp thời với đơn vị quản lý vận hành, các đơn vị có liên quan tham gia xử lý, khắc phục khi xảy ra sự cố.

- Đối với các tuyến đường đã được chỉnh trang cáp viễn thông, các đơn vị viễn thông không được xây dựng cột treo cáp viễn thông; thực hiện kế hoạch vận hành, đấu nối chuyển mạng cho hệ thống của đơn vị sau khi được cải tạo, chỉnh trang, làm gọn.

- Đóng góp kinh phí hoặc trực tiếp thi công cải tạo, chỉnh trang, làm gọn các tuyến cáp treo trên cột điện lực trên cơ sở thỏa thuận với Công ty Điện lực Đồng Tháp và UBND cấp huyện.

- Hỗ trợ các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang thực hiện đối với các tuyến cáp treo phục vụ An ninh, Quốc phòng.

- Phối hợp với UBND cấp huyện và Công ty Điện lực Đồng Tháp thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối trong quá trình thực hiện Kế hoạch, tuân thủ quy định kỹ thuật treo cáp sau khi cải tạo, chỉnh trang, làm gọn.

- Phối hợp với chủ sở hữu cột treo cáp thực hiện làm gọn cáp viễn thông theo kế hoạch định kỳ hàng năm.

10. Các đơn vị có hạ tầng kỹ thuật khác:

Tạo mọi điều kiện hỗ trợ hướng dẫn các thủ tục, quy trình cần thiết để chủ đầu tư thực hiện cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông, nhằm nâng cao việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đô thị, phối hợp chặt chẽ các ngành khi tham gia thi công.

VIII. Chế độ thông tin báo cáo:

Vào khoảng thời gian cuối mỗi quý, UBND cấp huyện, Doanh nghiệp sở hữu công trình báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố; Công ty Điện lực Đồng Tháp, các Doanh nghiệp viễn thông, Doanh nghiệp sở hữu mạng cáp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, phối hợp tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở: TTTT, CT, GTVT, XD, TC;
- UBND Huyện, Thị xã, Thành phố;
- Công ty Điện lực Đồng Tháp;
- Các Doanh nghiệp Viễn thông;
- Lưu: VT; NC/ĐTXD (BTP).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC I

Danh sách các tuyến đường cải tạo, chỉnh trang

(Kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

1. Giai đoạn 1 (năm 2020 -2021):

STT	Tên tuyến đường	Địa bàn	Chiều dài (km)	Năm thực hiện	Ghi chú
I. Thành phố Cao Lãnh			14.5		
1	Nguyễn Huệ (Cổng chào - Cầu Đức)	Phường 1, Phường Mỹ Phú	3.3	2020	Triển khai thí điểm
2	Ngô Thời Nhậm	Phường 1,2, 3	2.3	2021	
3	Đường 30/4	Phường 1, Mỹ Phú	2.2	2021	
4	Tôn Đức Thắng	Phường 1 - Mỹ Phú	2	2021	
5	Phạm Hữu Lầu	Phường 4, 6	4.4	2021	
6	Hai Bà Trưng	Phường 2	0.3	2021	Dời cáp viễn thông, điện lực phía bờ sông lên phía trên đường
II. Thành phố Sa Đéc			9.6		
1	Đường Nguyễn Sinh Sắc	Phường 1, 2	2.5	2021	
2	Đường Hùng Vương	Phường 2, phường 1	2.1	2021	
3	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường An Hòa, phường 1	2.7	2021	
4	Đường Trần Phú	Phường 1, phường An Hòa	1.3	2021	
5	Đường Tôn Đức Thắng	Phường An Hòa	1	2021	
III. Thị xã Hồng Ngự			7.4		
1	Đường QL 30	Phường An Lộc, An Thạnh, An Lạc	3.9	2021	
2	Đường Trần Phú	Phường An Lộc	1	2021	
3	Đường Nguyễn Huệ	Phường An Thạnh	1.3	2021	
4	Nguyễn Tất Thành	Phường An Thạnh	0.6	2021	
5	Đường Võ Văn Kiệt	Phường An Thạnh	0.6	2021	
Tổng cộng				31.50	

2. Giai đoạn 2 (năm 2022-2024)

STT	Tên tuyến đường	Địa bàn	Chiều dài (km)	Năm thực hiện	Ghi chú
I. Thành phố Cao Lãnh			48.1		
1	Đường Lê Đại Hành	Phường Mỹ Phú	2.8	2022	
2	Lê Văn Tám	Phường 1	0.6	2022	
3	Trần Phú	Phường 1	0.5	2022	
4	Hòa Đông (đoạn từ Cầu Sắt Vĩ đến Nguyễn Thái Học)	Phường Hòa Thuận	1	2022	Dời cấp phía bờ sông lên phía trên đường
5	Lê Thị Riêng	Phường 1	1.1	2022	
6	Đặng Văn Bình	Phường 1	1.1	2022	
7	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường 1	1.2	2022	
8	Hùng Vương	Phường 2	1.2	2022	
9	Chi Lăng	Phường 3	0.9	2022	
10	Lý Thường Kiệt	Phường 1, 2	1.2	2022	
11	Võ Trường Toản	Phường 1	1.1	2022	
12	Trần Hưng Đạo	Phường 1	2.2	2022	
13	Khu dân cư	Phường 1, 3, Mỹ Phú	9	2022	
14	Nguyễn Thị Lựu	Phường 4	0.6	2023	
15	Nguyễn Đình Chiểu	Phường 1, 2	1.4	2023	
16	Trần Thị Nhượng	Phường 4	0.7	2023	
17	Thiên Hộ Dương	Phường 4	1.4	2023	
18	Phạm Ngũ Lão	Phường 1	0.3	2023	
19	Nguyễn Quang Diêu	Phường 1	0.3	2023	
20	Phù Đổng	Phường Mỹ Phú	0.7	2023	
21	Trương Hán Siêu	Phường Mỹ Phú	0.3	2023	
22	Lê Lợi	Phường 2	1.3	2023	
23	Hàm Nghi	Phường Mỹ Phú	0.7	2023	
24	Nguyễn Thái Học	Phường 4, Hòa Thuận	3.1	2023	
25	Nguyễn Trãi	Phường 1, 2	1.1	2023	
26	Trương Định	Phường 1	0.6	2023	
27	Lê Duẩn	Phường Mỹ Phú	1.6	2024	
28	Tắc Thầy Cai	Phường Mỹ Phú	0.8	2024	

29	Lê Quý Đôn	Phường 1	0.4	2024	
30	Trần Thị Thu	Phường 4	0.6	2024	
31	Võ Thị Sáu	Phường 2	0.3	2024	
32	Lý Tự Trọng	Phường 2	0.3	2024	
33	Mai Văn Khải - Lê Duẩn	Xã Mỹ Trà, Mỹ Tân	1.4	2024	
34	Độc Binh Kiều	Phường 2	0.3	2024	
35	Ngô Quyền	Phường 2,3	1.8	2024	
36	Đường CMT8	Phường 2, 3	2.7	2024	
37	Lê Anh Xuân	Phường 2	0.7	2024	
38	Nguyễn Văn Trỗi	Phường 2	0.6	2024	
39	Nguyễn Du	Phường 2	0.2	2024	
II. Thành phố Sa Đéc			15.8		
1	Đường QL 80 (ĐT848 - Cầu Rạch Rắn)	TP. Sa Đéc	2.3	2022	
2	Đường Trần Hưng Đạo	Phường 1	2.4	2022	
3	Đường Nguyễn Văn Phát	Phường An Hòa	0.7	2022	
4	Đường Trần Thị Nhượng	Phường 1	1.3	2023	
5	Đại lộ Lê Lợi	P.Tân Qui Đông, P3	2.5	2023	
6	Đường Trần Văn Voi	Phường 4	1.8	2023	
7	Đường Lý Thường Kiệt	Phường 2, phường 1	1.1	2024	
8	Đường ĐT848	Phường An Hòa	3.7	2024	
III. Thị xã Hồng Ngự			11.9		
1	Đường Trần Hưng Đạo	Phường An Thạnh	1.1	2022	
2	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Phường An Thạnh	0.8	2022	
3	Đường Lý Thường Kiệt	Phường An Thạnh	0.6	2022	
4	Đường Ngô Quyền	Phường An Thạnh	0.8	2022	
5	Đường Lê Lợi	Phường An Thạnh	0.7	2022	
6	Đường Lê Hồng Phong	Phường An Thạnh	0.5	2022	
7	Đường Võ Thị Sáu	Phường An Thạnh	0.4	2023	
8	Đường Nguyễn Trãi	Phường An Thạnh	0.3	2023	
9	Đường Nguyễn Thị Giang	Phường An Thạnh	1.2	2023	
10	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Phường An Thạnh	1	2023	
11	Đường Phan Bội Châu	Phường An Thạnh	0.7	2023	
12	Đường Trương Định	Phường An Thạnh	0.7	2023	
13	Đường Sở Thượng	Phường An Thạnh	0.9	2024	
14	Đường Chu Văn An	Phường An Thạnh	0.7	2024	
15	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường An Thạnh	0.5	2024	
16	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường An Thạnh	0.4	2024	
17	Đường Thiên Hộ Dương	Phường An Thạnh	0.6	2024	
IV. Huyện Hồng Ngự			4.8		
1	Đường DT 841	TT Thường Thới Tiền	1.3	2022	
2	Khu TT hành chính	TT Thường Thới Tiền	2	2022	

3	Đường Phà Mương Miếu (DT841-Phà)	TT Thường Thới Tiền	0.7	2023	
4	DT841-Phà Tân Châu	TT Thường Thới Tiền	0.8	2024	
V. Huyện Tân Hồng			6.5		
1	Đường Nguyễn Huệ	TT Sa Rài	2.9	2022	
2	Đường Hùng Vương	TT Sa Rài	1.3	2022	
3	Đường Trần Hưng Đạo	TT Sa Rài	0.6	2023	
4	Đường Huỳnh Công Chí	TT Sa Rài	0.7	2023	
5	Đường Lê Lợi	TT Sa Rài	1	2024	
VI. Huyện Tam Nông			8		
1	Đường ĐT 844	TT Tràm Chim	1	2022	
2	Đường Nguyễn Huệ	TT Tràm Chim	0.6	2022	
3	Đường Trần Hưng Đạo	TT Tràm Chim	0.3	2022	
4	Đường Võ Văn Kiệt	TT Tràm Chim	1.2	2023	
5	Huỳnh Công Sính	TT Tràm Chim	0.6	2023	
6	Đường Tràm Chim	TT Tràm Chim	1.3	2024	
7	Khu Hành Chánh	TT Tràm Chim	3	2024	
VII. Huyện Thanh Bình			6.9		
1	Đường QL 30 (Cổng chào – Mầm non Hoa Mai)	TT Thanh Bình	3.1	2022	
2	Khu vực KDC, Chợ TT Thanh Bình	TT Thanh Bình	1.2	2022	
3	Đường Đốc Binh Vàng	TT Thanh Bình	0.9	2023	
4	Võ Văn Kiệt	TT Thanh Bình	0.9	2023	
5	Xẻo Miếu	TT Thanh Bình	0.8	2024	
VIII. Huyện Cao Lãnh			7.5		
1	Đường Hồ Chí Minh (BĐ huyện – Cột 88/5)	Khu vực TT. Mỹ Thọ	0.3	2022	
2	Đường Quốc lộ 30 (Điện lực- Cầu Cần Lố)	Khu vực TT. Mỹ Thọ	3.5	2022	
3	Đường 30 tháng 4 (đường 3/2 – QL30)	Khu vực TT. Mỹ Thọ	1	2023	
4	Khu vực Chợ Ông Bầu	Khu vực TT. Mỹ Thọ	1.2	2023	
5	Đường 3/2 (QL30- Thống Linh)	Khu vực TT. Mỹ Thọ	1	2024	
6	Đường số 1 (QL80- Bờ kè)	Khu vực TT. Mỹ Thọ	0.5	2024	
IX. Huyện Tháp Mười			8		
1	Đường QL N2 (Hồ Chí Minh)	Khu vực thị trấn Mỹ An	2.2	2022	
2	Đường Gò Tháp (QL N2 đến 30/4)	Khu vực thị trấn Mỹ An	1	2022	
3	Trần phú	Khu vực thị trấn Mỹ An	0.5	2023	
4	Đường nội bộ khu hành chính huyện	Khu vực thị trấn Mỹ An	3	2023	

5	Đường Nguyễn Văn Cừ	Khu vực thị trấn Mỹ An	0.8	2024	
6	Đường Lê Quý Đôn	Khu vực thị trấn Mỹ An	0.5	2024	
X. Huyện Lấp Vò			5.1		
1	Đường 3/2 (Cầu Lấp Vò – Quảng Trường)	TT Lấp Vò	2.1	2022	
2	Đường Nguyễn Huệ (QL80 – KDC)	TT Lấp Vò	0.4	2022	
3	Đường Trần Hưng Đạo	TT Lấp Vò	0.5	2023	
4	Lý Thái Tổ	TT Lấp Vò	2.1	2024	
XI. Huyện Lai Vung			8.5		
1	Đường QL 80 (Cầu Sáu Quốc – Cổng số 1)	TT Lai Vung	1.5	2022	
2	Đường ĐT 851 (Bùng bình – QL80)	TT Lai Vung	2	2022	
3	Đường Nguyễn Thi Sách	TT Lai Vung	0.2	2023	
4	Nguyễn Tất Thành	TT Lai Vung	0.2	2023	
5	Tuyến dân cư Khóm 2		4.6	2024	
XII. Huyện Châu Thành			5.4		
1	Đường Quốc lộ 80 (Bđ Nha Môn – cầu Nha Môn)	TT Cái Tàu Hạ	0.6	2022	
2	Đường Nguyễn Huệ	TT Cái Tàu Hạ	0.6	2022	
3	Quốc lộ 80 (Cầu Cái Gia Nhỏ - Cầu Cái Tàu)	TT Cái Tàu Hạ	1	2023	
4	Đường DT 854 (QL 80- Cổng Bà Nhung)	TT Cái Tàu Hạ	1.2	2023	
5	Đường Trần Trung Sĩ	TT Cái Tàu Hạ	0.6	2024	
6	Nguyễn Văn Voi (Cầu Nguyễn Văn Voi – ĐT 852)	TT Cái Tàu Hạ	1.2	2024	
7	Chợ Hòa Tân (mặt trước cổng chợ)	TT Cái Tàu Hạ	0.2	2024	
Tổng cộng			136.5		

PHỤ LỤC II
Cơ cấu nguồn vốn thực hiện Kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn
mạng cấp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan
trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số **240** /KH-UBND ngày **14** /10 /2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đvt: Đồng

ST T	Địa phương	Số lượng tuyến cấp cần chỉnh trang	Chiều dài tuyến cấp (km)	Kinh phí		Tổng
				Doanh nghiệp	Ngân sách cấp huyện	
1	Thành phố Cao Lãnh	46	62,6	14.398.000.000	1.252.000.000	15.650.000.000
2	Thành phố Sadec	13	25,4	5.842.000.000	508.000.000	6.350.000.000
3	Thị xã Hồng Ngự	22	19,3	4.439.000.000	386.000.000	4.825.000.000
4	Huyện Hồng Ngự	4	4,8	1.104.000.000	96.000.000	1.200.000.000
5	Huyện Tân Hồng	5	6,5	1.495.000.000	130.000.000	1.625.000.000
6	Huyện Tam Nông	7	8	1.840.000.000	160.000.000	2.000.000.000
7	Huyện Thanh Bình	5	6,9	1.587.000.000	138.000.000	1.725.000.000
8	Huyện Cao Lãnh	6	7,5	1.725.000.000	150.000.000	1.875.000.000
9	Huyện Tháp Mười	6	8	1.840.000.000	160.000.000	2.000.000.000
10	Huyện Lấp Vò	4	5,1	1.173.000.000	102.000.000	1.275.000.000
11	Huyện Lai Vung	5	8,5	1.955.000.000	170.000.000	2.125.000.000
12	Huyện Châu Thành	8	5,4	1.242.000.000	108.000.000	1.350.000.000
Tổng cộng		131	168	38.640.000.000	3.360.000.000	42.000.000.000

Chia theo giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (năm 2020-2021):

Đvt: Đồng

STT	Địa phương	Số lượng tuyến cấp cần chỉnh trang	Chiều dài tuyến cấp (km)	Kinh phí		Tổng
				Doanh nghiệp (VND)	Ngân sách cấp huyện (VND)	
1.1. Năm 2020						
1	Thành phố Cao Lãnh	1	3,3	759.000.000	66.000.000	825.000.000
Tổng cộng		1	3,3	759.000.000	66.000.000	825.000.000
1.2. Năm 2021						
1	Thành phố Cao Lãnh	5	11,2	2.576.000.000	224.000.000	2.800.000.000
2	Thành phố Sadec	5	9,6	2.208.000.000	192.000.000	2.400.000.000
3	Thị xã Hồng Ngự	5	7,4	1.702.000.000	148.000.000	1.850.000.000
Tổng cộng		15	28,2	6.486.000.000	564.000.000	7.050.000.000

2. Giai đoạn 2 (năm 2022-2024)

Đvt: Đồng

STT	Địa phương	Số lượng tuyến cấp cần chỉnh trang	Chiều dài tuyến cấp (km)	Kinh phí		Tổng
				Doanh nghiệp (VND)	Ngân sách cấp huyện (VND)	
2.1. Năm 2022						
1	Thành phố Cao Lãnh	13	23,9	5.497.000.000	478.000.000	5.975.000.000
2	Thành phố Sadec	3	5,4	1.242.000.000	108.000.000	1.350.000.000
3	Thị xã Hồng Ngự	6	4,5	1.035.000.000	90.000.000	1.125.000.000
4	Huyện Hồng Ngự	2	3,3	759.000.000	66.000.000	825.000.000
5	Huyện Tân Hồng	2	4,2	966.000.000	84.000.000	1.050.000.000
6	Huyện Tam Nông	3	1,9	437.000.000	38.000.000	475.000.000
7	Huyện Thanh Bình	2	4,3	989.000.000	86.000.000	1.075.000.000
8	Huyện Cao Lãnh	2	3,8	874.000.000	76.000.000	950.000.000
9	Huyện Tháp Mười	2	3,2	736.000.000	64.000.000	800.000.000
10	Huyện Lấp Vò	2	2,5	575.000.000	50.000.000	625.000.000
11	Huyện Lai Vung	2	3,5	805.000.000	70.000.000	875.000.000
12	Huyện Châu Thành	2	1,2	276.000.000	24.000.000	300.000.000

Tổng cộng		41	61,7	14.191.000.000	1.234.000.000	15.425.000.000
2.2. Năm 2023						
1	Thành phố Cao Lãnh	13	12,5	2.875.000.000	250.000.000	3.125.000.000
2	Thành phố Sadec	3	5,6	1.288.000.000	112.000.000	1.400.000.000
3	Thị xã Hồng Ngự	6	4,3	989.000.000	86.000.000	1.075.000.000
4	Huyện Hồng Ngự	1	0,7	161.000.000	14.000.000	175.000.000
5	Huyện Tân Hồng	2	1,3	299.000.000	26.000.000	325.000.000
6	Huyện Tam Nông	2	1,8	414.000.000	36.000.000	450.000.000
7	Huyện Thanh Bình	2	1,8	414.000.000	36.000.000	450.000.000
8	Huyện Cao Lãnh	2	2,2	506.000.000	44.000.000	550.000.000
9	Huyện Tháp Mười	2	3,5	805.000.000	70.000.000	875.000.000
10	Huyện Lấp Vò	1	0,5	115.000.000	10.000.000	125.000.000
11	Huyện Lai Vung	2	0,4	92.000.000	8.000.000	100.000.000
12	Huyện Châu Thành	2	2,2	506.000.000	44.000.000	550.000.000
Tổng cộng		38	36,8	8.464.000.000	736.000.000	9.200.000.000
2.3. Năm 2024						
1	Thành phố Cao Lãnh	13	11,7	2.691.000.000	234.000.000	2.925.000.000
2	Thành phố Sadec	2	4,8	1.104.000.000	96.000.000	1.200.000.000
3	Thị xã Hồng Ngự	5	3,1	713.000.000	62.000.000	775.000.000
4	Huyện Hồng Ngự	1	0,8	184.000.000	16.000.000	200.000.000
5	Huyện Tân Hồng	1	1	230.000.000	20.000.000	250.000.000
6	Huyện Tam Nông	2	4,3	989.000.000	86.000.000	1.075.000.000
7	Huyện Thanh Bình	1	0,8	184.000.000	16.000.000	200.000.000
8	Huyện Cao Lãnh	2	1,5	345.000.000	30.000.000	375.000.000
9	Huyện Tháp Mười	2	1,3	299.000.000	26.000.000	325.000.000
10	Huyện Lấp Vò	1	2,1	483.000.000	42.000.000	525.000.000
11	Huyện Lai Vung	1	4,6	1.058.000.000	92.000.000	1.150.000.000
12	Huyện Châu Thành	3	2	460.000.000	40.000.000	500.000.000
Tổng cộng		34	38	8.740.000.000	760.000.000	9.500.000.000